TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Bản án số: 07/2024/DS-ST
Ngày 31-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Mai Hương

Ông Nguyễn Khắc Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ dân phố 4, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phùng Thị H1, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số 65, tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 02-02-2024, bản khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị H trình bày:

Bà Phùng Thị H1 là chủ họ đã cầm họ từ nhiều năm nay. Do tin tưởng nên bà đã tham gia góp họ cho bà H1, thời gian đóng là 12 tháng, đóng vào ngày 15 hàng tháng, từ tháng 12-2022 đến tháng 11-2023 với số tiền là 5.000.000 đồng/ tháng, tổng số tiền bà đã đóng họ cho bà H1 là 60.000.000 đồng. Khi góp họ, bà chỉ biết đóng tiền cho bà H1, không biết các thành viên khác là ai. Việc thỏa thuận đóng góp các bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập văn bản, khi đóng tiền hàng tháng bà H1 sẽ ký nhận vào sổ của bà, khi có nhu cầu lĩnh họ, các thành viên chỉ cần thông báo trước cho bà H1 1 tháng. Về tiền lãi, các thành viên nào lĩnh họ trước sẽ phải đóng tiền lãi để trả cho các

thành viên đóng họ sau và tiền lãi được tính là 200.000 đồng đối với 1.000.000 đồng/tháng. Đối với người lĩnh cuối cùng như bà, tổng số tiền lãi được lĩnh là 12.000.000 đồng/năm. Chủ họ là bà H1 được hưởng tiền hoa hồng là 200.000 đồng đối với 1.000.000 đồng/năm; tổng cộng số tiền hoa hồng bà H1 được hưởng đối với 1 thành viên trong dây họ của bà là 1.000.000 đồng, số tiền này bà đã đóng cho bà H1. Tuy nhiên, khi hết thời gian đóng họ, bà yêu cầu bà H1 cho bà lĩnh toàn bộ số tiền họ đã đóng và số tiền lãi như thỏa thuận thì bà H1 thông báo với bà là bà H1 đã vỡ họ, không có khả năng trả tiền cho bà. Bà cũng đã yêu cầu bà H1 tìm phương án để trả lại bà số tiền bà đã đóng họ nhưng đến nay bà H1 vẫn chưa trả tiền cho bà và cũng chưa đưa ra phương án trả cụ thể. Toàn bộ tiền góp họ là việc cá nhân giữa bà và bà H1, không liên quan tới ai khác. Vì vậy, bà khởi kiện bà H1 đến Toà án, yêu cầu Toà án tuyên buộc bà H1 phải trả ngay một lần cho bà toàn bộ số tiền còn nợ là 60.000.000 đồng, bà không yêu cầu bà H1 phải trả lãi đối với số tiền này.

Tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Phùng Thị H1 trình bày:

Bà làm chủ họ từ nhiều năm nay và bản thân cầm nhiều dây họ, bà Lê Thị H đã tham gia góp họ cho bà, thời gian đóng là 12 tháng, từ tháng 12-2022 đến tháng 11-2023 với số tiền là 5.000.000đồng/tháng, bà H đã đóng cho bà số tiền là 60.000.000 đồng, tiền áp cái là tiền hoa hồng bà được hưởng là 1.000.000 đồng. Tổng số tiền bà H đã đóng cho bà trong dây họ là 60.000.000đồng. Số tiền này bà H đã nộp trực tiếp cho bà, bà đã ký xác nhận tiền cho bà H vào sổ họ. Về tiền lãi, các thành viên nào lĩnh họ trước phải đóng tiền lãi để trả cho các thành viên đóng họ sau, tiền lãi được tính là 200.000đồng/1.000.000đồng/tháng. Đối với người lĩnh cuối cùng tổng số tiền lãi được lĩnh là 12.000.000 đồng/năm. Khi đóng họ các thành viên trong dây họ chỉ cần đóng tiền cho bà, bà sẽ ký vào sổ xác nhận cho người đóng, khi cần lĩnh tiền thì người chơi họ cần thông báo trước cho bà một tháng, việc thoả thuận này bằng miệng, không có văn bản và việc góp và chơi họ chỉ một mình bà giao dịch với các thành viên góp họ chứ không liên quan đến chồng con của bà. Từ trước đến nay bà đều làm ăn đàng hoàng, sòng phẳng nên được nhiều người tin tưởng góp họ. Tuy nhiên từ năm 2017 đến năm 2019, có nhiều người chơi họ đã lĩnh tiền từ đầu kỳ nhưng không tiếp tục đóng tiền họ cũng như tiền lãi theo thoả thuận cho bà, dẫn đến việc bà không có tiền chi trả cho các thành viên góp họ sau. Khi không còn khả năng thanh toán, bà đã mời tất cả người tham gia góp họ đến và thông báo dừng việc góp họ, tìm phương án giải quyết. Bà đã tìm người rao bán căn nhà đang ở đến lấy tiền trả cho người góp họ, tuy nhiên do có đơn của nhiều người ngăn chặn nên bà không thể làm thủ tục công chứng Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất. Nếu bán được nhà, bà đề nghị trả cho mỗi người góp họ một ít theo tỷ lệ khoảng 10%/ số tiền góp của mỗi người, số nợ còn lại bà sẽ trả dần sau. Trường hợp những người góp họ không còn tin tưởng bà, bà đề nghị Cơ quan có thẩm quyền đứng ra giữ và chi trả số tiền này cho mỗi người góp họ theo tỷ lệ số tiền đã góp họ mà bà còn nợ chưa trả.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại Toà án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa và lời khai của các bên đương sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp Hợp đồng góp họ là chưa phù hợp bởi lẽ căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự; các điều 7, 14 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường quy định: *"Họ là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên; Thoả thuận về dây họ được thể hiện bằng văn bản. Văn bản thoả thuận về dây họ được công chứng, chứng thực nếu những người tham gia dây họ yêu cầu; chủ họ phải lập và giữ sổ họ, trường hợp dây họ không có chủ họ thì các thành viên thỏa thuận giao cho một thành viên lập và giữ sổ họ; khi góp họ, lĩnh họ, nhận lãi, trả lãi hoặc thực hiện giao dịch khác có liên quan thì thành viên có quyền yêu cầu chủ họ hoặc người lập và giữ sổ họ cấp giấy biên nhận về việc đó; chủ họ phải thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú về việc tổ chức dây họ có giá trị các phần họ tại một kỳ mở họ từ 100 triệu đồng trở lên, tổ chức từ hai dây họ trở lên"*. Trong vụ án này mặc dù nguyên đơn, bị đơn đều khai nhận tham gia họ, tham gia dây họ do bị đơn làm chủ họ nhưng không có thỏa thuận bằng văn bản, không có danh sách thành viên, không có sổ họ; không có giấy biên nhận khi lĩnh họ, nhận lãi, trả lãi hoặc thực hiện giao dịch khác, không thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, phường nên không đủ các điều kiện xác định nguyên đơn và bị đơn góp họ, trong trường hợp này phải xác định đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Bà H là bên cho vay, bà H1 là bên vay.

Bà H trình bày đến nay bà H1 còn nợ bà H số tiền 60.000.000đồng, bà H1 cũng thừa nhận đến nay còn nợ bà H số tiền nêu trên, các tài liệu chứng cứ thu thập được phù hợp với lời khai của bà H, bà H1 nên cần chấp nhận yêu cầu của bà H buộc bà H1 phải trả cho bà H số tiền 60.000.000đồng.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 275, 280, 463, 464, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bà Phùng Thị H1 phải trả cho bà Lê Thị H số tiền 60.000.000đồng.

- Hoàn trả lại cho bà Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp. Bà Phùng Thị H1 do là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Các bên đương sự đều thống nhất lời khai về việc bà Lê Thị H có tham gia dây họ có lãi với bà Phùng Thị H1 làm chủ họ, có quy định về phần tiền đóng họ, kỳ mở họ, tiền lãi. Tuy nhiên, thoả thuận về các dây họ này không được thể hiện bằng văn bản, không lập sổ họ, bà H khi tham gia dây họ cũng không biết các thành viên khác tham gia chơi trong dây họ cùng mình là ai, bà H1 khi tổ chức các dây họ không thông báo cho Uỷ ban nhân dân phường nơi cư trú. Do đó, thoả thuận góp họ giữa các bên không đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự và các điều 7, 8, 12, 14 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường nên cần xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa các cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Về nội dung vụ án:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo Giấy nhận họ do bà Lê Thị H cung cấp cũng như lời khai của bà Phùng Thị H1 thừa nhận có nhận tiền góp họ của bà H tổng số tiền 60.000.000đồng, bà H đã yêu cầu bà H1 trả lại số tiền bà H đã đóng họ cho bà H1 nhưng bà H1 không trả và không đưa ra phương án trả nợ cụ thể cho bà H. Lời khai nhận của các bên đương sự phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cở sở kết luận bà Phùng Thị H1 đã nhận tiền của bà H nhưng đến hạn không trả được như đã thỏa thuận, bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, chậm thanh toán tiền theo giấy nhận họ đã ký với bà H. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu bà H1 phải trả nợ số tiền gốc là 60.000.000đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 464, 465 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Về tiền lãi: Do bà H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền đã góp họ cho bà H1, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

[4] Xét quan điểm của bị đơn: Bị đơn là bà H1 thừa nhận số tiền còn nợ của nguyên đơn là 60.000.000đồng và có nguyện vọng đề nghị nguyên đơn được khắc phục trả nợ dần, tuy nhiên bà H1 không đưa được ra phương án trả nợ cụ thể nên nguyên đơn không đồng ý quan điểm của bị đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận quan điểm của bị đơn.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuy nhiên, do bị đơn là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 275, 280, 463, 464, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Phùng Thị H1 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H số tiền góp họ còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1 Lê Thị H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà H số tiền 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006536 ngày 08-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

2.2 Bà Phùng Thị H1 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị H và bà Phùng Thị H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đ;
- Chi cục THADS quận Đ;
- UBND phường H, quận Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Vinh